

Số: 42/QĐ-VEAM/HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty VEAM

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH14 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 18 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ Nghị Quyết số 28/NQ-VEAM/HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty về việc ban hành Quy chế công bố thông tin;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐQT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty VEAM (có nội dung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Điều 3. HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng HĐQT, Trưởng các phòng/ban chức năng có liên quan của Tổng công ty VEAM; Giám đốc các đơn vị phụ thuộc; Chủ tịch, Giám đốc, Kiểm soát viên tại các công ty con; Người đại diện vốn VEAM tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Đăng Website VEAM;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Quang Chuyện

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

*(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-VEAM/HĐQT ngày 21/9/2017 của HĐQT
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc công bố thông tin của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP khi tham gia thị trường chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Công ty mẹ công bố thông tin theo quy định đối với công ty đại chúng quy mô lớn;

b) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *UBCKNN* là chữ viết tắt của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. *SGDCK* là chữ viết tắt của Sở giao dịch Chứng khoán nơi VEAM có cổ phiếu niêm yết.

3. *VEAM* hoặc *Công ty mẹ* hoặc *Tổng công ty* là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

4. *HĐQT* là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị VEAM.

5. *Tổng Giám đốc* là Tổng Giám đốc VEAM.

6. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của VEAM và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của VEAM;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của VEAM;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của VEAM.

7. *Người nội bộ* của VEAM là:

a) Thành viên HĐQT;

b) Thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc; Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh VEAM ký kết giao dịch của VEAM theo quy định tại Điều lệ VEAM;

d) Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán (khi chưa bổ nhiệm Kế toán trưởng);

đ) Người được ủy quyền công bố thông tin của VEAM.

8. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

9. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này.

10. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDCCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCCK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

11. *Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VEAM đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được VEAM mua lại làm cổ phiếu quỹ.

12. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định tại Nghị định số 84/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

13. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch.

14. *Luật Doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

15. *Luật Chứng khoán* là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 đã được sửa đổi theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

16. *Nghị định 58/2012/NĐ-CP* là Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

17. *Nghị định 60/2015/NĐ-CP* là Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP.

18. *Thông tư 123/2015/TT-BTC* là Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

19. *Thông tư 155/2015/TT-BTC* là Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

20. Thông tư 162/2015/TT-BTC là Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, đối tượng công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận biết được về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. VEAM có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của VEAM tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của VEAM tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. VEAM thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho 01 Phó Tổng giám đốc là người được ủy quyền công bố thông tin của VEAM.

a) Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì 01 Phó Tổng giám đốc khác có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b) VEAM phải đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

VEAM phải gửi công văn cho UBCKNN đăng kí họ tên người đại diện theo pháp luật, địa chỉ liên hệ, số điện thoại cơ quan, điện thoại di động, địa chỉ email, Số chứng minh thư/Hộ chiếu theo Phụ lục I kèm theo Quy trình ban hành tại Quyết định của UBCKNN số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012.

2. Nhà đầu tư là cá nhân thuộc đối tượng công bố thông tin tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này nếu uỷ quyền cho VEAM công bố thông tin thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện VEAM sử dụng công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của VEAM: <http://www.veamcorp.com>;

b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;

d) Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;

đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử).

2. VEAM sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) VEAM phải báo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ VEAM, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, VEAM thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. VEAM tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...). VEAM báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, VEAM có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA VEAM

Mục 1

THÔNG TIN ĐỊNH KỲ, BẤT THƯỜNG VÀ THÔNG TIN KHÁC

Điều 7. Công bố báo cáo tài chính năm

1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Báo cáo bao gồm Báo cáo tài chính năm của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

c) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, VEAM phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của VEAM.

2. Thời hạn công bố:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Trường hợp không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp thì phải có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 8. Công bố báo cáo tài chính bán niên

1. Báo cáo tài chính bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Báo cáo tài chính bán niên là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của VEAM, được lập theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của VEAM trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

2. Thời hạn công bố:

a) Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét được công bố trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

b) Trường hợp không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của VEAM cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp, thì VEAM có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 9. Công bố báo cáo tài chính quý

1. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực Kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo Điểm a, b Khoản 1 Điều 7 Quy chế này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của VEAM trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu.

2. Thời hạn công bố:

a) Báo cáo tài chính quý được công bố trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. VEAM công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét.

b) Trường hợp không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất; hoặc do các công ty con, công ty liên kết của VEAM cũng phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, báo cáo tài chính quý tổng hợp, thì VEAM có yêu cầu bằng văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý báo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

Điều 10. Giải trình thông tin báo cáo tài chính

1. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại các Điều 7, 8 và 9 Quy chế này, VEAM đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

2. Giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 11. Thông tin báo cáo thường niên

1. Báo cáo thường niên được lập theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Thời hạn công bố chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Thông tin báo cáo tình hình quản trị

1. Định kỳ 06 tháng và năm, VEAM công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị VEAM theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC và quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp.

2. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Điều 13. Thông tin Đại hội đồng cổ đông

1. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, VEAM công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm:

b) Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

c) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, VEAM phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này cho đến khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông.

2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 14. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

VEAM công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của VEAM và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của VEAM, của SGDCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định tại Thông tư 123/2015/TT-BTC.

Điều 15. Thông qua hợp đồng, giao dịch với người nội bộ hoặc người có liên quan

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa VEAM với người nội bộ hoặc người có liên quan phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được thông qua.

Điều 16. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

VEAM báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, SGDCK, báo cáo UBCKNN, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 17. Công bố thông tin Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 18. Công bố thông tin bất thường khác

1. Các thông tin bất thường dưới đây được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của VEAM tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính VEAM;

b) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

d) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VEAM;

e) Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

g) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;

h) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

i) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động hoặc mua lại cổ phiếu lẻ thông qua công ty chứng khoán. Thông tin được công bố trong vòng 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

- Các trường hợp khác theo quy định công bố thông tin cụ thể đối với từng trường hợp.

k) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động được sửa đổi, bổ sung;

l) VEAM thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, VEAM gửi cho UBCKNN, SGĐCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có) theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

m) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của VEAM;

n) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của VEAM; kết luận của cơ quan thuế về việc VEAM vi phạm pháp luật về thuế;

o) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của VEAM có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của VEAM đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, VEAM công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

p) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo bán niên gần nhất được soát xét;

q) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của VEAM tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của VEAM tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

r) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VEAM.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này, VEAM phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt

Các trường hợp đặc biệt như thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp do thay đổi của quy định pháp luật); chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên công ty, con dấu của công ty, thay đổi địa điểm; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện sẽ thực hiện công bố thông tin riêng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. VEAM công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau đây:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến VEAM làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của VEAM về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 20. Thông tin về chào mua công khai

1. Khi nhận được đề nghị chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai cổ phiếu của VEAM phải gửi tài liệu đăng ký chào mua đến UBCKNN và VEAM. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, VEAM có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên phương tiện công bố thông tin của VEAM và SGDCK.

2. Công bố ý kiến của HĐQT về đề nghị chào mua công khai

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của VEAM đối với đề nghị chào mua công khai;

b) Ý kiến của HĐQT phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và phải nêu rõ đánh giá của HĐQT đối với việc chào mua cổ phiếu. Trường hợp có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.

Điều 21. Mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, VEAM phải công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo Phụ lục số 24 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, VEAM phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo mẫu Phụ lục số 25 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trong trường hợp VEAM không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, VEAM phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

3. Khi mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ VEAM phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp mua lại cổ phiếu, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì VEAM phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 22. Thay đổi giao dịch cổ phiếu quỹ

1. VEAM phải báo cáo UBCKNN, đồng thời thực hiện công bố thông tin về quyết định thay đổi trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 26 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. VEAM thông báo về thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời gửi cho UBCKNN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ theo mẫu Phụ lục số 27 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

3. Khi thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ VEAM phải thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDC. Nội dung và thời điểm công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

Mục 2

THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN, PHÁT HÀNH

Điều 23. Hoạt động chào bán ra công chúng

1. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Bản thông báo phát hành phải được công bố trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết có phạm vi phát hành toàn quốc trong 3 số liên tiếp theo mẫu tại Phụ lục số 11 và 12 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Bản thông báo phát hành và bản cáo bạch chính thức cũng phải được đăng trên trang thông tin điện tử của VEAM và SGDC.

2. Trường hợp thay đổi thông tin trong bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thì phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ.

3. Kết quả chào bán phải được báo cáo UBCKNN và công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Tài liệu báo cáo và công bố thông tin bao gồm: Báo cáo theo mẫu tại Phụ lục số 13 và 14 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC; xác nhận của Ngân hàng nơi mở tài khoản phong toả về số tiền thu được từ đợt chào bán (trừ trường hợp bán cổ phiếu để hoán đổi).

4. Trường hợp VEAM chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết số tiền huy động được, VEAM phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

5. Trường hợp thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, trong vòng 10 ngày kể từ khi ra quyết định thay đổi các nội dung này, VEAM phải báo cáo UBCKNN và công bố thông tin nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của VEAM. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. VEAM phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu hút được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp VEAM chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần.

Điều 24. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, VEAM phải báo cáo kết quả đợt chào bán thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP cho UBCKNN, kèm theo xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán.

2. Trường hợp có sự thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày HĐQT có quyết định thay đổi theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông, VEAM phải báo cáo UBCKNN theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP, đồng thời công khai nội dung thay đổi trên trang thông tin điện tử của VEAM và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

3. VEAM công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận (trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp).

Điều 25. Phát hành tăng vốn

1. Tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động quy định tại Điều 32, Điều 34, Điều 36 Thông tư 162/2015/TT-BTC phải được gửi báo cáo UBCKNN. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo, việc công bố thông tin thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 19 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 7 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng theo mẫu tại Phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

2. Báo cáo kết quả phát hành phải được gửi cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, báo cáo kết quả phải được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền theo mẫu tại Phụ lục số 21 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, báo cáo kết quả phải được thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thường cho người lao động theo mẫu tại Phụ lục số 22 ban hành kèm theo Thông tư 162/2015/TT-BTC. Báo cáo phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 26. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC, cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của VEAM phải công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho UBCKNN, SGDCK và VEAM;

b) Nội dung báo cáo và công bố thông tin thực hiện theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư 155/2015/TT-BTC, cổ đông lớn hoặc nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của VEAM phải công bố thông tin về tăng, giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu như sau:

a) Khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và VEAM trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên;

b) Nội dung báo cáo và công bố thông tin thực hiện theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 13 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại Khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do VEAM giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. VEAM công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của VEAM và người có liên quan của người nội bộ phải công bố thông tin và thực hiện các yêu cầu liên quan về giao dịch như sau:

a) Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và VEAM về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VEAM, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...);

b) Mẫu công bố thông tin thực hiện theo Phụ lục số 10 hoặc Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK;

d) Không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VEAM trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Thông tư 155/2015/TT-BTC người nội bộ của VEAM và người có liên quan của người nội bộ phải báo cáo và thực hiện các yêu cầu liên quan như sau

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và VEAM về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có);

b) Báo cáo thực hiện theo Phụ lục số 12 hoặc Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư 155/2015/TT-BTC;

c) Chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của VEAM hoặc người có liên quan của người nội bộ, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của VEAM hoặc người có liên quan của người nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan người nội bộ của VEAM khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch thì phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, VEAM trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của VEAM (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của VEAM phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

7. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, VEAM phải công bố trên trang thông tin điện tử của VEAM.

Chương IV

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Tổ chức công bố thông tin

1. Thông tin VEAM có nghĩa vụ công bố

a) Công bố thông tin định kì được thực hiện theo một quy trình đảm bảo thông tin luôn được công bố kịp thời, đúng quy định;

b) Các thông tin bất thường về thời gian nhưng thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cũng được thực hiện theo một quy trình có thể kiểm soát.

c) Các thông tin bất thường khác và thông tin công bố theo yêu cầu phải có quy định xử lý từ khi tiếp nhận thông tin đến khi công bố thông tin.

2. Các thông tin VEAM tiếp nhận từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố

a) VEAM lập, lưu trữ thông tin, cập nhật danh sách tổ chức, cá nhân, nhóm người sở hữu 5% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết để theo dõi nghĩa vụ công bố thông tin.

b) VEAM lập, lưu trữ danh sách, thông tin người nội bộ và người có liên quan người nội bộ. Danh sách và thông tin được cập nhật thường xuyên mỗi khi có thay đổi.

c) Việc tiếp nhận, xử lý thông tin từ các đối tượng có nghĩa vụ công bố ở Điểm a, b Khoản này và các đối tượng khác, sau đó VEAM thực hiện công bố theo quy định phải được xác lập bằng một quy trình có thể kiểm soát.

Điều 29. Quy trình công bố thông tin

1. Tiếp nhận yêu cầu công bố thông tin

a) Thông tin định kì đã được xác lập về thời gian và giao cho từng cá nhân, đơn vị cụ thể có trách nhiệm xử lý thông tin.

b) Việc tiếp nhận từng loại thông tin bất thường, thông tin theo yêu cầu phải công bố phải được giao cụ thể cho từng đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận. Khi có thông tin đến, bất cứ cá nhân, đơn vị nào tiếp nhận cũng phải được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận hoặc Văn phòng tổng hợp hoặc Văn phòng HĐQT để xử lý chuyển tiếp.

2. Xử lý thông tin

a) Xử lý thông tin là quá trình tạo ra thông tin để công bố.

b) Các cá nhân, đơn vị được giao trách nhiệm xử lý thông tin có quyền yêu cầu trong nội bộ VEAM cũng như các đơn vị có vốn góp của VEAM, hoặc các đối tượng liên quan khác cung cấp thông tin để phục vụ xử lý thông tin, phù hợp với các quy định của pháp luật và quy chế của VEAM.

c) Thông tin sau khi xử lý phải được người có trách nhiệm phê duyệt.

d) Thông tin phải có định dạng sau:

- Văn bản là bản chính có đầy đủ dấu và chữ ký hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- File dữ liệu điện tử:

- + File có định dạng DOC và EXCEL phải ghi đầy đủ tên và chức vụ người ký văn bản, số hiệu, ngày tháng văn bản;

- + File có định dạng PDF phải từ văn bản gốc có chữ ký và dấu màu đỏ của VEAM.

- File điện tử bản tiếng Việt thống nhất cách đặt tên không dấu, ví dụ "Báo cáo tài chính riêng VEAM năm 2017", "Báo cáo tài chính hợp nhất VEAM năm 2017" và tên phải đồng nhất khi có các định dạng khác nhau.

3. Gửi thông tin công bố

a) Thông tin sau khi được phê duyệt công bố thông tin được chuyển đến Văn phòng tổng hợp VEAM.

b) Thông tin văn bản được gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại trụ sở UBCKNN, SGDCK đồng thời gửi thông tin dưới dạng file điện tử cho UBCKNN, SGDCK theo hình thức được quy định. Trong trường hợp khẩn cấp, thông tin văn bản có thể gửi qua fax và đồng thời gửi bản chính cho UBCKNN, SGDCK.

c) Bộ phận tin học VEAM đăng thông tin trên trang thông tin điện tử của VEAM <http://www.veamcorp.com> tại chuyên mục "Quan hệ cổ đông". Trong chuyên mục "Quan hệ cổ đông" có các tiểu mục được quy định cho từng loại thông tin cụ thể.

4. Kiểm tra, nhận phản hồi

a) Đơn vị xử lý thông tin có trách nhiệm kiểm tra thông tin được công bố. Trường hợp phát hiện có sai lệch với thông tin công bố, thì phải báo cáo cho Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin.

b) Trường hợp bên nhận thông tin do VEAM công bố phản hồi về tính chính xác của thông tin, thì các thông tin phản hồi được chuyển về đơn vị có trách nhiệm xử lý báo cáo Tổng Giám đốc và người được uỷ quyền công bố thông tin, đồng thời đề xuất cách xử lý và cải chính thông tin.

Điều 30. Bảo quản và lưu giữ thông tin

1. Về nguyên tắc chung việc lưu giữ các thông tin được công bố là vô thời hạn hoặc tuân thủ theo các quy định riêng của từng loại thông tin. Việc huỷ thông tin theo một thời hạn nhất định (nếu có) phải đảm bảo điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quy chế này. Việc huỷ thông tin trên các phương tiện công bố thông tin không đồng nhất với việc huỷ thông tin (gốc).

2. Các thư điện tử dùng để gửi thông tin chỉ được xoá khi chắc chắn không còn giá trị tham chiếu về việc gửi thông tin.

3. Thông tin công bố phải được lập hồ sơ lưu giữ tại Văn phòng tổng hợp và đơn vị xử lý thông tin.

4. Việc lưu trữ thông tin phải đảm bảo khả năng truy cập nhanh chóng mỗi khi cần đến.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Các hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin sẽ bị xem xét xử lý theo quy định tại Điều 7 Thông tư 155/2015/TT-BTC.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc VEAM có hành vi vi phạm Quy chế công bố thông tin dẫn đến các hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và uy tín của VEAM, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xem xét xử lý theo các quy định hiện hành của VEAM.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THỰC HIỆN

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Trong thời gian VEAM chưa thực hiện đăng ký giao dịch hoặc niêm yết chứng khoán thì chỉ những nội dung liên quan đến chưa đăng ký giao dịch hoặc niêm yết mới có hiệu lực thực hiện.

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Trường hợp SGDCK có hướng dẫn chi tiết cách thức công bố thông tin áp dụng cho các đối tượng công bố thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và hệ thống công bố thông tin của SGDCK thì quy trình thực hiện công bố thông tin phải thực hiện theo hướng dẫn của SGDCK.
3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, Tổng giám đốc tổng hợp, xem xét trình HĐQT xem xét, quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Quang Chuyên